HĐND TỈNH LẠNG SƠN **BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1618/BC-HĐND-KTNS	*Lạng Sơn, ngày 17 tháng 8 năm 2026*

BÁO CÁO
Kết quả giám sát thường xuyên tình hình hoạt động, kết quả quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng

Thực hiện Kế hoạch số 802/KH-HĐND-KTNS ngày 12/5/2026; Căn cứ báo cáo của các cơ quan, đơn vị và kết quả khảo sát, Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo kết quả giám sát thường xuyên tình hình hoạt động, kết quả quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Chức năng, nhiệm vụ Quỹ

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng (sau đây gọi là Quỹ) tỉnh Lạng Sơn được thành lập tại Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn về việc thành lập, phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Lạng Sơn (sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 1012/QĐ-UBND ngày 06/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn); là một tổ chức tài chính Nhà nước ngoài ngân sách, tổ chức, hoạt động theo loại hình đơn vị sự nghiệp công lập. Quỹ trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn, có tư cách pháp nhân, có con dấu và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng theo quy định của pháp luật Việt Nam. Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận.

Tiếp nhận vốn ngân sách của tỉnh, vốn tài trợ, viện trợ; huy động các nguồn vốn trung và dài hạn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để tạo nguồn vốn; tiếp nhận và quản lý nguồn vốn ủy thác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động theo hợp đồng ủy thác. Thực hiện hỗ trợ vốn cho các chương trình, dự án, hoạt động phi dự án và việc chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng cho các chủ rừng trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ).

2. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý, điều hành

- Hội đồng quản lý quỹ: Hội đồng quản lý Quỹ có 05 thành viên gồm: Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường phụ trách lĩnh vực lâm nghiệp, các ủy viên gồm: Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính,

Chánh Văn phòng Sở và Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm.

- Ban điều hành: Ban Điều hành Quỹ gồm: Giám đốc Quỹ do Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm kiêm nhiệm, 01 Phó Giám đốc Quỹ do 01 lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm kiêm nhiệm, bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ (Kế toán trưởng, cán bộ chuyên môn kỹ thuật, thủ quỹ,…) do các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, đội ngũ cán bộ, công chức Chi cục Kiểm lâm kiêm nhiệm; nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc Quỹ phân công.

- Ban kiểm soát: Ban Kiểm soát Quỹ có 03 thành viên, giúp Hội đồng quản lý Quỹ giám sát hoạt động của bộ máy điều hành Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, gồm: Trưởng ban là Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Nông nghiệp và Môi trường; các ủy viên là đại diện các phòng chuyên môn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Biên chế, lao động hợp đồng: Hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm.

B. KẾT QUẢ GIÁM SÁT

1. Công tác tổ chức, quản lý điều hành

Quy chế hoạt động của Quỹ thực hiện theo Điều lệ tổ chức và hoạt động ban hành kèm theo Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn về việc thành lập, phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Lạng Sơn[1]. Bên cạnh đó, Quỹ xây dựng và điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định[2] tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ; Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ).

Qua giám sát cho thấy, tại khoản 2 Điều 5 Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành kèm theo Quyết định số 57/QĐ-QBVPTR ngày 19/6/2025 của Quỹ, quy định Chi phụ cấp kiêm nhiệm cho bộ máy Quỹ căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ và vận dụng Thông tư số 78/2005/TT-BNV ngày 10/8/2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ, công chức, viên chức kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo đứng đầu cơ quan, đơn vị khác, quy định chi phụ cấp kiêm nhiệm cho bộ máy Quỹ là không đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-

[1] Được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số Quyết định 1012/QĐ-UBND ngày 06/5/2025 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn

[2] Quyết định số 51/QĐ-QBVPTR ngày 20/5/2025, về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 57/QĐ-QBVPTR ngày 19/6/2025, về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Lạng Sơn.

CP (điểm b, khoản 1 Điều 70 là Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam).

Tại điểm a, khoản 2 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP và điểm a, khoản 1 Điều 1 Quy chế chi tiêu nội bộ quy định *"Chi thường xuyên: Chi lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp cho các thành viên Ban Điều hành Quỹ,* ***chi tiền trách nhiệm quản lý cho các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ",*** tuy nhiên Quy chế chi tiêu nội bộ quy định chi phụ cấp kiêm nhiệm các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ và Ban Kiểm soát Quỹ là không đảm bảo quy định trên. Qua giám sát cho thấy, Quỹ đã thực hiện chi trả cho thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ; việc thực hiện chi trả phụ cấp kiêm nhiệm là do nhận thức chưa đầy đủ về các nội dung chi. Ban Kinh tế - Ngân sách không kiến nghị, đề xuất thu hồi với khoản chi nêu trên, đề nghị Quỹ nghiêm túc chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện các quy định pháp luật có liên quan.

Sở Nông nghiệp và Môi trường chưa trình UBND tỉnh ban hành quy định xác định danh sách, nguồn nước có sử dụng dịch vụ môi trường rừng, mức sử dụng nước tối thiểu đối với cơ sở sản xuất công nghiệp phải trả tiền trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 57 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26, Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp): *"…Cơ sở sản xuất công nghiệp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 63 của Luật Lâm nghiệp sử dụng nguồn nước cho sản xuất công nghiệp thuộc các ngành nghề theo quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Nghị định này. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định danh sách, nguồn nước có sử dụng dịch vụ môi trường rừng, mức sử dụng nước tối thiểu đối với cơ sở sản xuất công nghiệp phải trả tiền trên địa bàn tỉnh"*; chưa trình UBND tỉnh ban hành quy định Mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng của các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo quy định tại khoản 4 Điều 59 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại khoản 27 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP).

Việc thực hiện hợp đồng dịch vụ môi trường rừng (DVMTR): Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh đã thực hiện đôn đốc các đơn vị sử dụng DVMTR xây dựng kế hoạch nộp tiền dịch vụ môi trường và lập bản kê nộp tiền dịch vụ môi trường rừng theo quy định[3]. Tuy nhiên, một số đơn vị, cá nhân sử dụng DVMTR không gửi kế hoạch nộp tiền DVMTR theo quy định tại khoản 2 Điều 67 Nghị

[3] Quỹ đã ban hành văn bản số 32/CV-BĐH ngày 14/4/2025, về việc đôn đốc lập bản kê nộp tiền và nộp tiền dịch vụ môi trường Quý I/2025; văn bản số 38/CV-BĐH ngày 25/4/2025, về việc đôn đốc lập bản kê nộp tiền và nộp tiền dịch vụ môi trường Quý I/2025 (lần 2); văn bản số 62/CV-BĐH ngày 10/7/2025, về việc đôn đốc lập bản kê nộp tiền và nộp tiền dịch vụ môi trường Quý II/2025; văn bản số 68/CV-BĐH ngày 13/8/2025, về việc đôn đốc lập bản kê nộp tiền và nộp tiền dịch vụ môi trường Quý II/2025 (lần 2); văn bản số 77/CV-BĐH ngày 14/10/2025, về việc đôn đốc lập bản kê nộp tiền và nộp tiền dịch vụ môi trường Quý III/2025, kế hoạch năm 2026; văn bản số 84/CV-BĐH ngày 03/12/2025, về việc đôn đốc lập bản kê nộp tiền và nộp tiền dịch vụ môi trường Quý III/2025, kế hoạch năm 2026; văn bản số 14/CV-BĐH ngày 15/4/2026, về việc đôn đốc lập bản kê nộp tiền và nộp tiền dịch vụ môi trường Quý I/2026; văn bản số 34/CV-BĐH ngày 07/7/2026, về việc đôn đốc lập bản kê nộp tiền và nộp tiền dịch vụ môi trường Quý II/2026.

định số 156/2018/NĐ-CP; không lập bản kê nộp tiền DVMTR theo quy định tại khoản 3 Điều 67 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP; không tổng hợp nộp tiền DVMTR theo quy định tại khoản 5 Điều 67 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.

Quỹ không thực hiện kiểm tra việc quản lý, sử dụng tiền DVMTR các bên liên quan trên địa bàn tỉnh; kiểm tra việc nộp tiền chi trả của bên sử dụng DVMTR theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 72 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của quỹ (từ 01/01/2025 đến thời điểm 30/5/2026)

2.1. Nguồn hình thành Quỹ: Nguồn thu chủ yếu từ hoạt động ủy thác chi trả dịch vụ môi trường rừng và tiền trồng rừng thay thế.

2.2. Tình hình hoạt động của Quỹ: Tổng số thu là 47.408,578 triệu đồng, gồm 39.125,613 triệu đồng năm 2025 và 8.282,965 triệu đồng từ đầu năm 2026 đến thời điểm giám sát; trong đó là thu tiền trồng rừng thay thế và tiền dịch vụ môi trường rừng.

Tổng số chi là 16.478,694 triệu đồng: năm 2025 là 11.857,533 triệu đồng năm 2025 và từ 01/01/2026 đến 30/5/2026 là 4.621,161 triệu đồng. Nội dung chi chủ yếu gồm: chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng cho bên cung ứng và chi phí quản lý (10.918,815 triệu đồng); chi thanh toán, tạm ứng thực hiện trồng rừng thay thế (5.559,879 triệu đồng).

Đến 30/5/2026, kết dư Quỹ là 99.879,017 triệu đồng, trong đó: nguồn tiền trồng rừng thay thế 96.023,427 triệu đồng, nguồn tiền dịch vụ môi trường rừng 3.814,223 triệu đồng, chi phí quản lý lâm sinh cấp tỉnh 41,367 triệu đồng.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

a) Đối với việc sử dụng nguồn kinh phí từ tiền dịch vụ môi trường rừng

Qua giám sát cho thấy, cơ bản việc sử dụng nguồn kinh phí từ tiền DVMTR được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP. Tuy nhiên, qua giám sát cho thấy, còn có hạn chế:

Năm 2025, Quỹ thực hiện gói thầu in lịch tường và vở học sinh tuyên truyền về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Lạng Sơn từ nguồn kinh phí quản lý được trích từ tiền dịch vụ môi trường rừng, với giá trúng thầu 298.500.000 đồng; gồm 1.500 cuốn lịch tường, giá trị 118.500.000 đồng và 18.000 cuốn vở kẻ ngang, giá trị 180.000.000 đồng. Qua giám sát, Quỹ không xây dựng kế hoạch tuyên truyền riêng cho gói thầu; chưa xác định mục tiêu, phạm vi, đối tượng, phương thức cấp phát; không xây dựng, phê duyệt nội dung, thông điệp tuyên truyền làm căn cứ thiết kế, in ấn; chưa xác định phương thức theo dõi, đánh giá kết quả sau cấp phát. Xem xét nội dung lịch tường cho thấy lịch tường chủ yếu thể hiện ngày, tháng và hình ảnh phong cảnh rừng, kèm tên Quỹ, biểu tượng và một số khẩu hiệu chung; chưa thể hiện nội dung cụ thể về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, quyền và nghĩa vụ của bên sử dụng, bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng hoặc thông tin hướng dẫn thực hiện chính sách. Vì vậy, hiệu quả tuyên truyền, phổ biến chính

sách còn hạn chế; chưa làm rõ sự cần thiết, tính phù hợp và hiệu quả của việc sử dụng kinh phí để in lịch phục vụ công tác tuyên truyền. Ban không tiến hành khảo sát, kiểm tra thực tế việc cấp phát và sử dụng các sản phẩm tuyên truyền tại các đơn vị, địa bàn tiếp nhận, tuy nhiên đề nghị Quỹ nghiêm túc rút kinh nghiệm, thực hiện xây dựng kế hoạch tuyên truyền cụ thể, bảo đảm nội dung, đối tượng, hình thức và kinh phí phù hợp, thiết thực, hiệu quả.

- Việc thực hiện thời hạn nộp quỹ DVMTR của các đơn vị, cá nhân chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 3, 4 và 5 Điều 67 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP)[4]: trong 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý, đơn vị sử dụng DVMTR phải lập bản kê gửi Quỹ. Tiền DVMTR phải nộp theo quý: Quý I, II, III: chậm nhất 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý; Quý IV: chậm nhất 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý.

b) Đối với nguồn thu từ tiền trồng rừng thay thế

Đến thời điểm giám sát, tổng số tiền trồng rừng thay thế đã thu là 114.684,241 triệu đồng, gồm 113.931,552 triệu đồng thu từ 62 dự án chuyển mục đích sử dụng rừng, đất lâm nghiệp và 752,689 triệu đồng tiền lãi tiền gửi Kho bạc.

Đối với nguồn tiền đã thu, UBND tỉnh đã giao thực hiện 48 dự án trồng rừng thay thế với diện tích 826,007 ha, tổng kinh phí 78.488,955 triệu đồng. Lũy kế đến thời điểm giám sát đã giải ngân 20.147,045 triệu đồng, còn 58.341,910 triệu đồng đã có kế hoạch nhưng chưa giải ngân.

Đối với số tiền 36.195,285 triệu đồng chưa có kế hoạch sử dụng (gồm 35.442,596 triệu đồng tiền trồng rừng thay thế và 752,689 triệu đồng tiền lãi[5]), chủ yếu thuộc 14 dự án chưa bố trí thực hiện trồng rừng thay thế. Trong đó, có 11 dự án thực hiện tạm thu theo quy định; đề nghị của UBND tỉnh về việc nộp tiền về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam để tổ chức trồng rừng thay thế tại địa phương khác chưa được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chấp thuận, yêu cầu tiếp tục rà soát để thực hiện trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh.

Qua giám sát cho thấy công tác thu, quản lý nguồn tiền cơ bản được thực hiện theo từng dự án, bảo đảm theo dõi riêng từng nguồn thu. Tuy nhiên, tiến độ sử dụng nguồn kinh phí còn chậm; đến thời điểm giám sát mới giải ngân khoảng 25,7% tổng kinh phí đã được giao thực hiện, nhiều dự án đã được phê duyệt nội dung chi, giao chủ đầu tư từ các năm trước nhưng chưa giải ngân hoặc giải ngân đạt tỷ lệ thấp. Số kinh phí chưa giải ngân còn lớn làm kéo dài thời gian tồn đọng nguồn tiền trong Quỹ, chưa phát huy kịp thời hiệu quả của chính sách trồng rừng thay thế. Điều này cho thấy công tác đôn đốc, theo dõi tiến độ, phối hợp tháo gỡ khó khăn và tham mưu tổ chức thực hiện của Quỹ cùng các chủ đầu tư chưa thực

---

[4] Công ty CP Thủy điện Khánh Khê (chậm nộp Quý I, II, III/2025); Công ty CP Thủy điện Bắc Khê (chậm nộp Quý I, II); Công ty Cấp thoát nước Lạng Sơn (chậm nộp Quý I và Quý III/2025); Công ty Điện Trường Thịnh Bản Lả (chậm nộp Quý III/2025); Công ty Gạch ngói Hợp Thành (chậm nộp Quý II, Quý III); Dương Công Hành (chậm nộp Quý I, II, III/2025); Nguyễn Thị Hòa (chậm nộp Quý I/2025)

[5] Tiền lãi Kho bạc 752,688 triệu đồng: Theo quy định tại Điều 80a, Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ (được sửa đổi bổ sung tại Điều 30, Nghị định 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026: Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định sử dụng tiền trồng rừng thay thế, lãi tiền gửi từ tiền trồng rừng thay thế để trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên hoặc có trồng bổ sung và các biện pháp lâm sinh khác trên địa bàn tỉnh.

sự hiệu quả, cần có giải pháp quyết liệt để đẩy nhanh tiến độ giải ngân và sớm hoàn thành các dự án trồng rừng thay thế theo quy định.

3. Việc thực hiện chế độ thông tin báo cáo

Quỹ cơ bản thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định; tuy nhiên, một số báo cáo còn chưa phản ánh đầy đủ kết quả kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả quản lý, sử dụng Quỹ và việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

C. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh đã được kiện toàn về tổ chức, bộ máy; Điều lệ tổ chức và hoạt động được sửa đổi, bổ sung phù hợp với việc sắp xếp cơ quan chuyên môn của tỉnh. Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát được thành lập, phân công nhiệm vụ; Quỹ đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công để phục vụ công tác quản lý, điều hành.

Việc tiếp nhận, quản lý và chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng đã góp phần tạo nguồn lực tài chính cho các chủ rừng thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng; việc thu tiền trồng rừng thay thế đã tạo nguồn kinh phí để triển khai các dự án trồng rừng theo quy định.

2. Hạn chế

Việc tổ chức, quản lý và sử dụng Quỹ còn một số hạn chế: Quy chế chi tiêu nội bộ quy định căn cứ và nội dung chi phụ cấp kiêm nhiệm đối với thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ chưa phù hợp với quy định về chi tiền trách nhiệm quản lý tại khoản 2 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP. Công tác tham mưu triển khai chính sách dịch vụ môi trường rừng chưa đầy đủ; chưa tham mưu UBND tỉnh xác định danh sách, nguồn nước, mức sử dụng nước tối thiểu đối với cơ sở sản xuất công nghiệp phải chi trả và quy định mức chi trả đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí. Một số đơn vị sử dụng dịch vụ môi trường rừng chưa lập kế hoạch, bản kê, tổng hợp và nộp tiền đúng thời hạn; công tác đôn đốc chưa đạt hiệu quả, Quỹ chưa thực hiện kiểm tra việc nộp, quản lý và sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng của các bên liên quan.

Chưa xây dựng Kế hoạch tuyên truyền cụ thể; chưa xác định rõ mục tiêu, đối tượng, phạm vi, phương thức cấp phát; nội dung lịch tường còn chung chung, chưa truyền tải rõ chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng. Tiến độ thực hiện các dự án trồng rừng thay thế còn chậm, mới giải ngân khoảng 25,7% kinh phí đã giao.

3. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân khách quan

Các quy định về đối tượng, mức chi trả và tổ chức thực hiện chính sách dịch vụ môi trường rừng được sửa đổi, bổ sung; một số nội dung thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh phải tiếp tục cụ thể hóa để làm căn cứ thực hiện tại địa phương.

Việc triển khai các dự án trồng rừng thay thế liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị và phải thực hiện các bước chuẩn bị, phê duyệt dự án, lựa chọn địa điểm, xác định diện tích và tổ chức trồng rừng.

Việc triển khai một số dự án trồng rừng thay thế gặp khó khăn trong việc bố trí diện tích trồng rừng, lựa chọn chủ đầu tư và hoàn thiện hồ sơ theo quy định; đối với một số dự án thực hiện tạm thu, Bộ Nông nghiệp và Môi trường chưa chấp thuận phương án nộp tiền về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam để tổ chức trồng rừng thay thế tại địa phương khác, nên ảnh hưởng đến tiến độ sử dụng nguồn kinh phí.

b) Nguyên nhân chủ quan

Công tác tham mưu của Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc cụ thể hóa các quy định về dịch vụ môi trường rừng chưa kịp thời; việc rà soát, cập nhật đối tượng phải chi trả chưa được thực hiện thường xuyên.

Quỹ chưa chủ động rà soát, sửa đổi Quy chế chi tiêu nội bộ; việc xây dựng kế hoạch, xác định nội dung và tổ chức thực hiện hoạt động tuyên truyền chưa chặt chẽ.

Công tác tham mưu của Quỹ và cơ quan quản lý nhà nước còn chưa chủ động, chưa kịp thời rà soát, hoàn thiện các quy định thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh; việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghĩa vụ chi trả dịch vụ môi trường rừng và sử dụng nguồn kinh phí chưa được thực hiện thường xuyên.

Quỹ chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm của đơn vị quản lý Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, chưa chủ động kiểm tra việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí dịch vụ môi trường rừng; tiến độ thực hiện, giải ngân đối với các dự án đã được giao còn chậm; số tiền chưa có kế hoạch sử dụng còn lớn do quỹ đất đủ điều kiện trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh không đáp ứng nhu cầu.

D. KIẾN NGHỊ

UBND tỉnh chỉ đạo:

1. Đối với UBND tỉnh

Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tham mưu ban hành đầy đủ các quy định thuộc thẩm quyền về chi trả dịch vụ môi trường rừng; có giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân và sử dụng nguồn tiền trồng rừng thay thế. **Hoàn thành trong năm 2026.**

2. Đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường

Khẩn trương tham mưu UBND tỉnh xác định danh sách, nguồn nước, mức sử dụng nước tối thiểu đối với cơ sở sản xuất công nghiệp phải chi trả dịch vụ môi trường rừng và quy định mức chi trả đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí. **Thực hiện trong năm 2026.**

Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn hoạt động của Quỹ; rà soát từng dự án trồng rừng thay thế, xác định nguyên nhân chậm tiến độ và tham mưu phương án sử dụng số kinh phí chưa được giao kế hoạch. **Thực hiện thường xuyên.**

3. Đối với Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Điều hành Quỹ

Rà soát, sửa đổi Quy chế chi tiêu nội bộ, bảo đảm đúng quy định về nội dung và mức chi, thực hiện nội dung chi đảm bảo theo quy định. **Hoàn thành trong tháng 10/2026.**

Tăng cường đôn đốc, kiểm tra việc lập kế hoạch, bản kê, nộp, quản lý và sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng; kịp thời xử lý hoặc kiến nghị xử lý các trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc tiến độ các dự án trồng rừng thay thế; chủ động phối hợp tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh giải ngân và kịp thời đề xuất phương án xử lý đối với số kinh phí chưa có kế hoạch sử dụng.**Thực hiện thường xuyên.**

Trên đây là báo cáo giám sát thường xuyên tình hình hoạt động, kết quả quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Lạng Sơn, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Quỹ BVPTR (Chi cục Kiểm lâm);
- Các Ban HĐND tỉnh;
- VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT, KTNS.

TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN

Hoàng Văn Tài